TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 799/2023/HC-PT
Ngày: 12 - 9 - 2023
V/v khiếu kiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Ông Vũ Đức Toàn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 833/2022/TLPT-HC ngày 05 tháng 12 năm 2022 về "Khiếu kiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 102/2022/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

1. *Người khởi kiện:* Bà Đỗ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số B ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Long An (có mặt)

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

2.1. Ông Hồ Hoài V – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (có mặt).

2.2. Ông Phan Lê M – Q. Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố T (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Hồng T – Phó Chủ tịch (theo Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2022, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: người khởi kiện bà Đỗ Thị Ngọc Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện - Bà Đỗ Thị Ngọc Đ trình bày:*

Dự án đường V thành phố T, tỉnh Long An đi qua thửa đất của bà Đỗ Thị Ngọc Đ. Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 6315/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 về việc thu hồi đất của Đ 01 phần thửa 909, tờ bản đồ số 5, loại đất BHK, diện tích 443m^2 và Quyết định số 6469/QĐ-UBND cùng ngày 18/12/2018 phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Đ. Theo bản chiết tính giá đền bù là không thực tế và quá thấp so với thị trường, vị trí đất bà Đ giáp đường K nhưng chỉ tính vị trí giáp kênh, thu hồi đất để thực hiện 02 dự án đường V và quỹ đất để bán đấu giá nhưng lại thu hồi và bồi thường chung là không đúng. Bà Đ khiếu nại nhưng không được giải quyết. Đến ngày 01/4/2022, bà Đ nhận được Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của bà Đ, hiện bà Đ vẫn chưa nhận tiền bồi thường.

Do đó, bà Đ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Đ.

** Tại số 1850/UBND-NCTCD ngày 12/5/2022, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:*

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của bà Đỗ Thị Ngọc Đ được căn cứ trên cơ sở các quy định pháp luật. Cụ thể là căn cứ và Luật Đất đai, các Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T1 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc ban hành quy trình thực hiện thủ tục kiểm đếm nhà, đất và tài sản khác gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Long An. Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh L quy định trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Long An; Kế hoạch số 661/KH-UBND ngày 24/02/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với 26 hộ dân xã A. Thông báo số 1659/TB-UBND về thời gian cưỡng chế ngày 28/4/2022 và giao ngày 29/4/2022.

Việc bà Đ yêu cầu hủy Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất của bà Đ là

không có cơ sở xem xét. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

** Tại Văn bản số 3267/QĐ-UBND người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:*

Ngày 21/9/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 3855/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đường V thành phố T. Ngày 27/12/2016, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 6057/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiến độ giải phóng mặt bằng dự án. Ngày 30/8/2017, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Thông báo số 212/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất và triển khai kiểm đếm đất đai tài sản trên đất để bồi thường giải phóng mặt bằng dự án thành phần 2: Đoạn QL1 đến ĐT.827A địa điểm: Phường T, A và phường G, thành phố T.

Ngày 13/9/2017, Hội đồng bồi thường, tái định cư thành phố triển khai chủ trương thu hồi đất và kiểm đếm tài sản trên đất để bồi thường giải phóng mặt bằng, thông báo thu hồi đất dự án thành phần 2, tại xã A. Hội đồng có lập danh sách các hộ tham dự đồng thời niêm yết thông báo thu hồi đất từng hộ.

Ngày 13/9/2017, Hội đồng bồi thường có triển khai chủ trương thu hồi đất và có kiểm đếm đất đai tài sản trên đất của bà Đ. Ngày 29/9/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T lập biên bản đo đạc, kiểm đếm hiện trạng tài sản trên đất đối với bà Đ.

Ngày 26/01/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 362/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư đường V và cầu bắc qua sông V. Theo đó, quy mô nền đường rộng 33m. Quy mô phân khu chức năng rộng 20m x 2 bên. Tổng cộng phạm vi cắm cọc giải phóng mặt bằng phần phân khu chức năng và phần nền đường là 73m.

Ngày 27/4/2018, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư công bố niêm yết, lấy ý kiến dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phần 2: Đoạn QL1 đến ĐT.827A, địa điểm xã A.

Ngày 25/5/2018, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối thoại, vận động các hộ dân có ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 29/5/2018, lập biên bản kết thúc niêm yết dự thảo. Ngày 13/6/2018, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư xây dựng phương án 1398/PABTHĐBT và được Ủy ban nhân dân thành phố T phê duyệt tại Quyết định 1866/QĐ-UBND ngày 25/6/2018.

Ngày 28/6/2018, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư công bố quyết định phê duyệt phương án, quyết định thu hồi đất từng hộ, quyết định bồi thường giá trị từng hộ, địa điểm xã A.

Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 6315/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 về việc thu hồi đất của Đ 01 phần thửa 909, tờ bản đồ số 5, loại đất BHK, diện tích 443m^2 và Quyết định số 6469/QĐ-UBND cùng ngày 18/12/2018 phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Đ. Ngày 21/9/2018, Hội

đồng bồi thường mời các hộ dân đến để trao đổi, giải thích, vận động và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đến các hộ dân.

Ngày 23/10/2018, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Thông báo số 827/TB-UBND về chủ trương triển khai kiểm đếm đất đai tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng đoạn nút giao thông đường P-phường T; nút giao thông Châu Thị K – xã A.

Ngày 16/11/2018, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố T tiến hành công bố niêm yết dự thảo phương án bồi thường bổ sung đợt 1 đoạn từ QL1-ĐT.827A (Km9+400 đến Km14+500). Ngày 07/12/2018, Hội đồng bồi thường lập phương án số 3200/PABT-HĐBT và được Ủy ban nhân dân thành phố T phê duyệt tại Quyết định số 6241/QĐ-UBND ngày 18/12/2018.

Ngày 31/7/2019, Ủy ban nhân dân thành phố T phối hợp với các ban ngành đoàn thể và Ủy ban nhân dân xã A tổ chức đối thoại, vận động và ngày 24/3/2022, đoàn tiếp tục vận động nhưng bà Đ không đồng ý giao đất.

Do bà Đ không chấp hành quyết định thu hồi đất nên Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của bà Đ.

Ngày 24/3/2022, Ủy ban nhân dân thành phố và Ban cưỡng chế tiếp tục vận động nhưng bà Đ không có ý kiến. Ngày 28/4/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B Thông báo số 1659/TB-UBND về thời gian cưỡng chế và giao thông báo ngày 29/4/2022.

Ngày 06/5/2022, đoàn vận động bà Đ giao mặt bằng, bà Đ đồng ý giao mặt bằng trong phạm vi 33m, không đồng ý giao mặt bằng trong phạm vi 20m x 2 bên và đến nay không nhận tiền.

Hiện nay, Ủy ban nhân dân thành phố T đã tiến hành cưỡng chế xong đất đối với bà Đ.

Ủy ban nhân dân thành phố T xác định chủ trương thu hồi đất: Phần mở rộng 20m x 2 bên dọc tuyến đường V, thành phố T không dùng vào mục đích phân lô bán nền mà tạo quỹ đất sạch để triển khai xây dựng các phân khu chức năng theo quy hoạch được duyệt; cụ thể phần 20m x 2 bên này sẽ trở thành đất công do Nhà nước quản lý và nhà nước sẽ công bố đấu giá công khai gắn với thực hiện đầu tư các phân khu chức năng nhằm tạo nguồn đầu tư đường Vành đai phạm vi 33m.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 102/2022/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, quyết định:*

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 70, Điều 71 Luật Đất đai;

Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ngọc Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Đỗ Thị Ngọc Đ.

2. Các quyết định hành chính liên quan gồm: Quyết định số 6315/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất của bà Đ 01 phần thửa 909, tờ bản đồ số 5, loại đất BHK, diện tích 443m^2 và Quyết định số 6469/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Đ ban hành đúng quy định pháp luật.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 19/9/2022, người khởi kiện bà Đỗ Thị Ngọc Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau:*

Đây là dự án mà việc thu hồi đất là vì mục đích công cộng và được Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Quá trình giải quyết đã được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc cưỡng chế để thực hiện quyết định thu hồi là đúng pháp luật.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Đối với nội dung kháng cáo của phía người khởi kiện thấy rằng:

[1] Về nội dung và trình tự quyết định cưỡng chế:

Chứng cứ, tài liệu tại hồ sơ thể hiện: Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành các quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án đường V và cầu bắc qua sông V Tây theo chủ trương của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh L phê duyệt. Trong quá trình thực hiện dự án có điều chỉnh bổ sung việc thu hồi từ 33m làm đường Vành đai và thu hồi thêm 20m x 2 bên đường V để thực hiện bán đấu giá làm các phân khu chức năng đã được phê duyệt. Việc điều chỉnh này đã được Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh L thông qua và được Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 và số 362/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh L quyết định phê duyệt dự án. Do đó, việc bà Đ cho rằng bà chỉ đồng ý việc thu hồi 33m làm đường mà không đồng ý thu hồi thêm 20m x 2 bên là trái chủ trương của địa phương về việc thu hồi đất nhằm mục đích phát triển kinh tế xã hội phạm vi thu hồi 73m theo Điều 62 Luật Đất đai. Do bà Đ không chấp hành quyết định thu hồi đất nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của bà Đ là đúng quy định tại Điều 69 và Điều 71 Luật Đất đai. Trình tự cưỡng chế được thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Luật

Đất đai. Do đó, việc bà Đ cho rằng quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T không đúng quy định pháp luật là không có căn cứ. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 67, Điều 71 Luật Đất đai và khoản 6 Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì *"Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có kết luận việc thu hồi đất trái pháp luật thì phải dừng cưỡng chế nếu việc cưỡng chế chưa hoàn thành..."*. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất của bà Đ là cần thiết và đúng quy định pháp luật.

[2]. Về các quyết định hành chính liên quan là các quyết định thu hồi và bồi thường, xét thấy:

Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân thành phố T đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục thu hồi đất và ban hành quyết định thu hồi và bồi thường cho bà Đ. Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 6315/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 về việc thu hồi đất của Đ 01 phần thửa 909, tờ bản đồ số 5, loại đất BHK, diện tích 443m^2 và Quyết định số 6469/QĐ-UBND cùng ngày 18/12/2018 phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Đ số tiền 277.082.000đ (bà Đ chưa nhận tiền) là đúng theo quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai. Cụ thể là có thông báo chủ trương thu hồi đất, việc điều chỉnh diện tích thu hồi và phạm vi thu hồi từ 33m đường Vành đai rồi thu hồi 20m x 2 bên là thực hiện đúng theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh gồm: Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 18/11/2015, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 24/4/2018, Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 26/10/2018 và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 23/5/2019. Công văn số 3493/UBND-KT ngày 13/8/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc điều chỉnh địa điểm, phạm vi dự án đường V và cầu bắc qua sông V Tây là theo sự điều chỉnh và phê duyệt của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh. Do đó, theo các văn bản nêu trên thì dự án đường Vành đai với phạm vi thu hồi là 73m (trong đó 33m là đường Vành đai và 20m x 02 bên là tạo quỹ đất sạch để quy hoạch phân khu chức năng). Bà Đ cung cấp văn bản số 1394/STC-QLGCS ngày 10/5/2019 của Sở T2, xét thấy đây chỉ là văn bản nội bộ mang tính đề xuất, tham mưu chứ không phải là quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án. Vì vậy, việc bà Đ cho rằng thu hồi thêm 20m x 2 bên phải tách thành 02 dự án và bồi thường theo 02 mức giá khác nhau là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về việc bà Đ cho rằng mức bồi thường giá trị quyền sử dụng đất thấp là không có căn cứ. Bởi lẽ, mức bồi thường được đơn vị tư vấn giá độc lập khảo sát trên cơ sở giá thị trường tại khu vực thu hồi đất và được Ủy ban nhân dân tỉnh L phê duyệt tại Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 và Quyết định 1943/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 (giá đất quy định trên địa bàn x hệ số điều chỉnh). Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố T phê duyệt tại phương án 1398/PA-HĐBT ngày 13/6/2018 để áp dụng là có căn cứ. Bà Đ cho rằng mức giá bồi thường thấp nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh.

[4]. Việc bà Đ cho rằng đất bà Đ tiếp giáp đường K nhưng tính vị trí tiếp giáp kênh là không có căn cứ. Bởi vì, theo bản đồ địa chính và mảnh trích đo được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố T phê duyệt ngày 04/4/2016 tại thời điểm các cá nhân liền kề (con bà Đ) chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất BHK sang đất ở thì thể hiện rõ vị trí đất bà Đ tiếp giáp kênh (lòng kênh rộng 3,7 đến 3,9m), mới tiếp giáp đường K 9m (đá xanh) nên Ủy ban nhân dân thành phố T áp dụng 70% giá trị đường K là có căn cứ. Do đó, yêu cầu của bà Đ về việc bồi thường giá trị đất theo vị trí đường K là không có căn cứ.

Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất của bà Đ được ban hành đúng quy định pháp luật.

Các quyết định hành chính liên quan gồm: Quyết định số 6315/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất của bà Đ 01 phần thửa 909, tờ bản đồ số 5, loại đất BHK, diện tích 443m^2 và Quyết định số 6469/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Đ ban hành đúng quy định pháp luật.

[5]. Xét thấy, với chứng cứ, tài liệu và phân tích trên cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ngọc Đ là có căn cứ. Bà Đ kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi bản chất vụ án, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí: bà Đỗ Thị Ngọc Đ sinh năm 1957 là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Ngọc Đ.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 102/2022/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Áp dụng các Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 70, Điều 71 Luật Đất đai;

Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ngọc Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Đỗ Thị Ngọc Đ.

2. Các quyết định hành chính liên quan gồm: Quyết định số 6315/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất

của bà Đ 01 phần thửa 909, tờ bản đồ số 5, loại đất BHK, diện tích 443m^2 và Quyết định số 6469/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Đ ban hành đúng quy định pháp luật.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị Ngọc Đ được miễn án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- NKK;
- NBK;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 17bTNB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười